

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BẾN CÁT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/DS-ST  
Ngày: 17-12-2021  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lại Thị Ngọc Bích

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Ngô Hoàng Sĩ.

Ông Nguyễn Văn Bình.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 448/2020/TLST-DS ngày 01/12/2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2021/QĐXXST-DS ngày 25/11/2021, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP N.

Địa chỉ trụ sở: Số 198 đường T, phường L, quận H, thành phố H.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Bùi Duy T, sinh năm 1989.

Địa chỉ trụ sở: Ngân hàng TMCP N– Chi nhánh B, lô D1-4-TT, đường NA3, Khu công nghiệp M, phường M, thị xã B, tỉnh B.

Theo Văn bản ủy quyền ngày 20/11/2020. Có mặt.

***- Bị đơn:*** Ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1978.

Địa chỉ thường trú: Xã N, huyện T, tỉnh Q. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện ngày 20/11/2020, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Bùi Duy Tam trình bày:*

Ngân hàng TMCP N– Chi nhánh B có cho ông Nguyễn Hữu D vay vốn theo hình thức mở thẻ tín dụng với hạn mức 60.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay theo yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế, số tài khoản thẻ tín dụng Visa V8400157 phát hành ngày 12/5/2015.

Hạn mức thẻ: 60.000.000 đồng.

Mục đích vay: Tiêu dùng.

Thời hạn duy trì hạn mức: 36 tháng kể từ ngày phát hành thẻ.

Thời gian thu hồi nợ: Ngày 05 hàng tháng.

- Hợp đồng cho vay theo yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế, số tài khoản thẻ tín dụng Amex A08448478 phát hành ngày 12/5/2015.

Hạn mức thẻ: 60.000.000 đồng.

Mục đích vay: Tiêu dùng.

Thời hạn duy trì hạn mức: 36 tháng kể từ ngày phát hành thẻ.

Thời gian thu hồi nợ: Ngày 20 hàng tháng.

Biện pháp bảo đảm: Tín chấp.

Hình thức Ngân hàng TMCP N– Chi nhánh B thông báo số tiền ông D phải thanh toán thông qua mail do ông D cung cấp là duongvietsao@gmail.com

Sau khi phát hành thẻ, ông D đã sử dụng thẻ và phát sinh nợ như sau:

- Đối với thẻ V8400157, tính đến ngày 20/7/2015 ông D đã sử dụng số tiền 59.568.000 đồng.

- Đối với thẻ A08448478, tính đến ngày 01/7/2016 ông D đã sử dụng số tiền 200.000 đồng.

Ngân hàng TMCP N– Chi nhánh B thông báo nợ quá hạn đến ông D thông qua mail do ông D cung cấp là duongvietsao@gmail.com và đã nhiều lần gọi điện để nắm bắt tình hình thực tế của khách hàng và yêu cầu thanh toán nợ tuy nhiên từ thời điểm đến hạn thanh toán là ngày 05/01/2016 đến thời điểm hiện nay khách hàng vẫn không thanh toán dứt điểm nợ quá hạn cho Ngân hàng TMCP N– Chi nhánh B. Trong quá trình vay vốn thường xuyên phát sinh nợ quá hạn và hiện nay đang phát sinh nợ quá hạn nhóm 5 (nợ dưới tiêu chuẩn). Do đó khách hàng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi đúng hạn đối với Ngân hàng TMCP N– Chi nhánh B. Hiện nay tình hình tài chính của khách hàng gặp khó khăn không đủ khả năng thanh toán đúng hạn nợ vay theo quy định trong Hợp đồng tín dụng.

Tính đến ngày 20/11/2021:

- Tổng dư nợ thẻ tín dụng V8400157 của ông D tại Ngân hàng TMCP N là 1.008.799.435 đồng,

- Tổng dư nợ thẻ tín dụng A08448478 của ông D tại Ngân hàng TMCP N là 5.383.946 đồng,

Do ông D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hữu D phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP N số tiền 1.014.183.381 đồng.

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn tại nơi đăng ký thường trú. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho bị đơn theo hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú của bị đơn, trụ sở Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Q và trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát đúng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho ông D biết Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát đang thụ lý vụ án tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP N và ông Nguyễn Hữu D và thông báo nội dung Ngân hàng TMCP N khởi kiện theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông D không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hữu D thanh toán cho nguyên đơn số tiền: 1.056.031.040 đồng, cụ thể:

- Thẻ Visa V8400157 tính đến hết ngày 17/12/2021 là 1.050.485.576 đồng, trong đó:

- + Tiền nợ gốc: 59.253.735 đồng;
- + Phí thường niên: 400.000 đồng;
- + Tiền lãi: 63.666.024 đồng;
- + Phí vượt hạn mức: 241.881.250 đồng;
- + Phí chậm thanh toán: 685.284.567 đồng.

- Thẻ Amex A08448478 tính đến hết ngày 17/12/2021 là 5.545.464 đồng, trong đó:

- + Phí thường niên: 400.000 đồng;
- + Phí chậm thanh toán: 5.145.464 đồng.

Sau ngày 17/12/2021, nếu ông D không thanh toán khoản nợ trên thì đề nghị Tòa án buộc ông D phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất tại Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng ngày 12/5/2015.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định Ngân hàng thương mại được cấp tín dụng với hình thức cho vay và việc cho vay phải lập Hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 17 Quyết định số 20/VBHN-NHNN ngày 22/5/2014 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Qua xem xét tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và lời trình bày của đương sự xác định ngày 12/5/2015, ông Nguyễn Hữu D có làm đơn yêu cầu phát hành thẻ ghi nợ và Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đã đồng ý phát hành thẻ ghi nợ. Mục đích sử dụng thẻ ghi nợ để tiêu xài cá nhân. Do vậy, quan hệ tranh chấp được xác định là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Hữu D làm đơn yêu cầu phát hành thẻ ghi nợ và việc phát hành thẻ ghi nợ được thực hiện tại Ngân hàng TMCP N– Chi nhánh B, lô D1-4-TT, đường NA3, Khu công nghiệp M, phường M, thị xã B, tỉnh B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc xét xử vắng mặt:

Tòa án đã tổng đạt thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho bị đơn theo hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú của bị đơn, trụ sở Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Q và trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát đúng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông D vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông D.

[4] Về chứng cứ:

Nguyên đơn đồng ý sử dụng chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập theo Biên bản phiên họp tiếp cận, kiểm tra và công khai chứng cứ ngày 05/11/2021 và Thông báo kết quả việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không có yêu cầu thu thập thêm chứng cứ, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì thêm, không yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng; bị đơn không đến tham gia phiên tòa, không có ý kiến khiếu nại hay thắc mắc hoặc yêu cầu thu thập thêm chứng cứ. Tòa án sẽ căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[5] Về nội dung tranh chấp:

Trong quá trình tố tụng Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định cho ông D nhưng ông D vắng mặt, không cung cấp tài liệu chứng cứ, không có văn bản trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt không lý do.

Theo hồ sơ do nguyên đơn Ngân hàng TMCP N cung cấp thể hiện Ngân hàng TMCP N– Chi nhánh B có cho ông Nguyễn Hữu D vay vốn theo hình thức mở thẻ tín dụng với hạn mức 60.00.000 đồng, theo 02 hợp đồng vay như sau:

- Hợp đồng cho vay theo yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế, số tài khoản thẻ tín dụng Visa V8400157 phát hành ngày 12/5/2015.

- Hợp đồng cho vay theo yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế, số tài khoản thẻ tín dụng Amex A08448478 phát hành ngày 12/5/2015.

Xét thấy, 02 hợp đồng trên là do ông D tự nguyện ký tên và yêu cầu phát hành thẻ, đại diện Ngân hàng TMCP N– Chi nhánh B ký xác nhận đồng ý. Việc ký hợp đồng phát hành thẻ là do các bên tự nguyện giao kết, không trái quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật và là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên.

Sau khi ông D nhận thẻ tín dụng, ông D đã sử dụng thẻ tín dụng như sau: Ngày 20/7/2015, thẻ tín dụng Visa V8400157 phát sinh dư nợ 59.568.000 đồng và ngày 01/7/2016, thẻ tín dụng Amex A08448478 phát sinh dư nợ 200.000 đồng. Ngân hàng TMCP N– Chi nhánh B đã thực hiện thông báo nợ quá hạn đến ông D thông qua mail do ông D cung cấp là duongvietsao@gmail.com và yêu cầu thanh toán nợ tuy nhiên bị đơn ông D đã không thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng TMCP N– Chi nhánh B và các khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Như vậy, kể từ khi phát sinh dư nợ, ông D không thanh toán đúng hạn đã quy định tại Điều 4 của Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 12/5/2015 nên Ngân hàng TMCP N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông D thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và khoản lãi, phí phát sinh là có cơ sở chấp nhận.

Ông D có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP N số tiền: 1.056.031.040 đồng, cụ thể:

- Thẻ Visa V8400157 tính đến hết ngày 17/12/2021 là 1.050.485.576 đồng, trong đó:

- + Tiền nợ gốc: 59.253.735 đồng;

+ Phí thường niên: 400.000 đồng;  
 + Tiền lãi: 63.666.024 đồng;  
 + Phí vượt hạn mức: 241.881.250 đồng;  
 + Phí chậm thanh toán: 685.284.567 đồng.  
 - Thẻ Amex A08448478 tính đến hết ngày 17/12/2021 là 5.545.464 đồng, trong đó:

+ Phí thường niên: 400.000 đồng;  
 + Phí chậm thanh toán: 5.145.464 đồng.

Về lãi suất: Tại Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng ngày 12/5/2015 các bên đã thỏa thuận về mức lãi suất Ngân hàng TMCP N yêu cầu ông D phải thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 18/12/2021 cho đến khi ông D thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là có căn cứ chấp nhận.

[5] Ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;  
 - Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 179, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;  
 - Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và khoản 1 Điều 34 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  
 - Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N với bị đơn ông Nguyễn Hữu D về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Nguyễn Hữu D có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP N số tiền: 1.056.031.040 đồng, cụ thể:

- Thẻ Visa V8400157 tính đến hết ngày 17/12/2021 là 1.050.485.576 đồng, trong đó:

+ Tiền nợ gốc: 59.253.735 đồng;  
 + Phí thường niên: 400.000 đồng;  
 + Tiền lãi: 63.666.024 đồng;

+ Phí vượt hạn mức: 241.881.250 đồng;  
 + Phí chậm thanh toán: 685.284.567 đồng.  
 - Thẻ Amex A08448478 tính đến hết ngày 17/12/2021 là 5.545.464 đồng, trong đó:

+ Phí thường niên: 400.000 đồng;  
 + Phí chậm thanh toán: 5.145.464 đồng.

Về lãi suất: Tại các bên đã thỏa thuận về mức lãi suất Ngân hàng TMCP N yêu cầu ông D phải thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 18/12/2021 cho đến khi ông D thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là có căn cứ chấp nhận.

Kể từ ngày 18/12/2021 cho đến khi thi hành án xong, ông D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 12/5/2015

## II. Về án phí:

- Ông Nguyễn Hữu D phải chịu 43.680.931 đồng (ba mươi triệu năm trăm ngàn bảy trăm năm mươi một đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền 13.769.723 đồng (mười ba triệu bảy trăm sáu mươi chín ngàn bảy trăm hai mươi ba đồng) tiền tạm ứng án phí nộp tại Biên lai thu số AA/2016/0048476 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ tuyên án.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu D vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

### Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lại Thị Ngọc Bích**